

Bản án số: 32/2018/HNGĐ - ST  
Ngày: 15/11/2018  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Diễm  
2. Ông Bùi Trung Thành.

**- Th- ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Hồng Ngoạn – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 15/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-ST ngày 02/10/2018 giữa các đ- ong sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị A** – Sinh năm 1989

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** - sinh năm 1985

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị A, vắng mặt anh B không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 20/7/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị **Phạm Thị A** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Phạm Văn B** xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện E vào ngày 30/11/2017.

Từ khi vợ chồng về chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đến 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên theo bạn bè xấu tham gia đánh bạc, rượu chè Fy sủ, kinh tế gia đình F sút, anh B cũng không quan tâm gì đến vợ con, bỏ mặc chị lo lắng cho con cái;

bản thân chị cũng đã khuyên ngăn anh **B** nhiều lần từ bỏ cờ bạc, tu chí làm ăn, nhưng anh **B** không nghe lời khuyên của chị mà còn chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhưng không mang lại kết quả gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn **B**.

*Về con chung* : Chị và anh **B** có 02 con chung: Cháu Phạm Thị My **F** – sinh ngày 28/8/2005 và cháu Phạm Nguyên **G** – sinh ngày 16/02/2007. Ly hôn, nguyện vọng của chị là xin nuôi cháu My **F**, để cháu **G** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

*Về tài sản, công nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Phạm Văn **B***: Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh **B**, thông báo cho anh **B** ngày giờ đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, hiện nay anh **B** có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa phương nhưng anh **B** không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của anh **B**, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa anh **B** cũng vắng mặt không có lý do.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2018 đối với ông Phạm Văn **H** – bố đẻ anh Phạm Văn **B** trình bày*: Anh Phạm Văn **B** và chị Phạm Thị **A** tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2005. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **B** ham mê cờ bạc, không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả gì. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn anh **B**, quan điểm của gia đình: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu anh **B** cố tình không đến Tòa án làm việc thì đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết ly hôn cho chị **A** và anh **B**. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung: Cháu Phạm Thị My **F** – sinh ngày 28/8/2005 và cháu Phạm Nguyên **G** – sinh ngày 16/02/2007. Gia đình đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: Gia đình không nắm được.

*Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng Làng **C**, xã **D** cung cấp như **Fu***: Anh Phạm Văn **B** lấy chị Phạm Thị **A** vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** năm 2017. **Fu** khi kết hôn vợ chồng chung sống anh **B**, chị **A** thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà; việc mâu thuẫn của vợ chồng địa phương không nắm được. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án**: Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét,

đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Xử cho chị **A** và anh **B** được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị My **F** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Phạm Nguyên **G** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị **A** là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, anh **B** vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Fu khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh **B** đã đọc triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn **B**.

**[2]Về hôn nhân:** Chị Phạm Thị **A** và anh Phạm Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị **A** cho rằng Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh **B** ham mê cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh **B** không thay đổi mà còn chửi bới và đánh chị. Đối với anh **B**, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay anh **B** vẫn vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh **B** có thái độ bỏ mặc gia đình vợ con và không có thiện chí đoàn tụ cùng chị **A**. Nay chị **A** yêu cầu được ly hôn anh **B**.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn được, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị **A**. Xử cho chị Phạm Thị **A** được ly hôn với anh Phạm Văn **B** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**[3]Về con chung:** Anh **B**, chị **A** có 02 con chung: Cháu Phạm Thị My **F** – sinh ngày 28/8/2005 và cháu Phạm Nguyên **G** – sinh ngày 16/02/2007. Tại phiên tòa, chị **A** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị; do anh **B** thường xuyên vắng mặt tại gia đình, nên việc giao con cho anh **B** không đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu. Như vậy việc giao cháu **F** và cháu **G** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với thực tế và đảm bảo được điều

kiện về mọi mặt của các cháu. Fu này anh **B** có nguyện vọng nuôi con thì anh sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện dân sự khác.

**[4]Về tài sản, công nợ chung:** Chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

**[5]Về án phí:** Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **A** là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị **A**.

**Vì những lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị **A** được ly hôn với anh Phạm Văn **B**.

2. Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 02 con chung: Cháu Phạm Thị My **F** – sinh ngày 28/8/2005 và cháu Phạm Nguyên **G** – sinh ngày 16/02/2007. Giao cháu **F**, cháu **G** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **B** có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: □p dụng điểm đ khoản 6 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Phạm Thị **A**.

*Ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về quyền kháng cáo: Chị **A** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **B** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện **E**;
- THA huyện **E**;
- UBND xã **D**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Lâm**

**Hội thẩm nhân dân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**











